

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Thành Phương.
- Ông Nguyễn Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện tại: 50/19, V, Phường B, Thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Ông và ông Nguyễn Văn D là quan hệ anh em quen biết nhau ngoài xã hội. Ông có cho ông D vay tiền hai lần, cụ thể:

Lần 1: Ông cho vay số tiền 50.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm cho vay, lúc vay có làm giấy vay tiền.

Lần 2: Vào ngày 11/10/2023, ông cho ông D vay tiếp số tiền 55.000.000 đồng. Tổng cộng của hai lần vay là 105.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2023, khi làm lại hợp đồng vay tiền này thì đã cộng khoản vay 50.000.000 đồng lần 1 vào chung và giấy vay tiền của lần 1 đã hủy bỏ. Phần nội dung viết tay trong hợp đồng do ông viết, sau đó ông D ký tên viết họ tên và lần tay vào Bên B tức bên vay tiền. Theo nội dung trong hợp đồng thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 11/10/2023 đến ngày trả là 11/11/2023, mặc dù ghi lãi suất và thời hạn trả lãi hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật tuy nhiên thực tế thì ông không có lấy lãi của ông D vì nghĩ chỗ anh em thời hạn cho vay ngắn. Cả hai lần vay tiền thì ông đã giao trực tiếp số tiền vay cho ông D nhận đủ. Mục đích lúc ông D hỏi vay tiền của ông là để làm ăn cá nhân. Khi đến hạn hợp đồng ông có nhiều lần liên hệ bằng điện thoại nhưng ông D hứa hẹn, sau đó thì không nghe máy và cố tình tránh gặp mặt ông. Từ ngày vay cho đến nay ông D không trả tiền vốn cũng như không có trả lãi cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu buộc ông D có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 105.000.000 đồng, về tiền lãi ông xác định từ bỏ, không yêu cầu ông D trả lãi. Về thời gian và phương thức trả nợ thì yêu cầu ông D trả 01 lần ngay sau khi Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông cho cá nhân ông D vay tiền nên chỉ yêu cầu một mình ông D có nghĩa vụ trả nợ cho ông, không yêu cầu vợ của ông D hay thành viên nào khác trong gia đình ông D phải liên đới hoàn trả số nợ này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo các văn bản tố tụng nhưng ông D không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án ông Q trình bày có cho ông D vay tiền hai lần, đến ngày 11/10/2023 thì chốt nợ là 105.000.000 đồng đồng thời có cung cấp hợp đồng cho vay tiền nội dung bên vay là ông Nguyễn Văn D vay số tiền 105.000.000 đồng có chữ ký, dấu lần tay của ông D. Ông D không đến tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến văn bản phản đối với yêu cầu của khởi kiện của ông Q, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi ông Q tự nguyện không yêu cầu trả lãi nên đề nghị không xem xét. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quyền khởi kiện:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa ông Trần Văn Q với ông Nguyễn Văn D thông qua giấy tay “Hợp đồng vay tiền” là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ cư trú tại Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An nên khi ông Q có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Căn cứ vào hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện “Thời hạn vay 1 tháng tháng kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2023 đến ngày trả ngày 11/11/2023”. Như vậy, xác định quan hệ vay tiền giữa ông Q và ông D là hợp đồng vay có thời hạn, ngày 09/4/2024 ông Q nộp đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn D được Tòa án nhân dân huyện Ctống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông D vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ông Q trình bày có cho ông D vay tiền hai lần, lần 1 cho vay số tiền 50.000.000 đồng, lần 2 cho vay số tiền 55.000.000 đồng. Ngày 11/10/2023 thì lập hợp đồng vay tiền xác định số nợ vay với nhau là 105.000.000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền, thể hiện bên cho vay (Bên A) là ông Trần Văn Q, bên vay (Bên B) là ông Nguyễn Văn D, nội dung Bên A cho bên Bên B vay số tiền 105.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn bên B trả lãi cho bên A do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Tại phần đại diện Bên B trong hợp đồng có chữ ký tên, viết họ tên, dấu lấn tay của ông Nguyễn Văn D.

Ông D được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông D không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông D phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q đối với việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả số tiền vay là 105.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Ông Q trình bày trong hợp đồng có ghi nhận nội dung lãi suất và thời hạn do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi và ông cũng không có nhận bất cứ khoản tiền lãi nào từ ông D. Tại phiên tòa, ông Q xác định từ bỏ tiền lãi, không yêu cầu ông D trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Ông Q trình bày chỉ yêu cầu cá nhân ông D trả nợ, không yêu cầu vợ ông D hay thành viên nào khác trong gia đình phải liên đới hoàn trả số nợ trên nên chỉ buộc ông D có nghĩa vụ trả nợ cho ông Q.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Q. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Q.

[5] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Q số tiền vay là 105.000.000 (*Một trăm lẻ năm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng. Hoàn trả cho ông Trần Văn Q 2.625.000 đồng tiền tạm ứng

án phí tại biên lai thu số 0011784 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

Phùng Thị Cẩm Hồng